



**KHÓA 20 NGUYỄN CÔNG TRÚ TVBQGVN**  
**Đại Hội 56 Năm Hội Ngộ**  
**(1963 - 2019)**

Đại Hội 56 Năm Hội Ngộ của Khóa 20 Nguyễn Công Trứ, Trường VBQGVN (1963-2019) đã được tổ chức vào chiều Chủ Nhật ngày 01 tháng 9 năm 2019 tại Diamond Seafood Restaurant Westminster, Nam California, Hoa Kỳ.

*Hầu hết các CSVSQ Khóa 20 từ khắp nơi bay đã tham dự Đại Hội này cùng với các đồng môn tại địa phương cũng như các niên trưởng niên đệ, và thân hữu của họ. Như vậy, ngoài tình yêu Tổ Quốc, tình nghĩa phu thê, tình đồng đội, còn có một thứ tình yêu khác ăn sâu trong tâm khảm của mỗi một CSVSQ, đó là Tình Đồng Môn, Đồng Khóa. (Trích từ “Vinh Danh Quý Bà Vợ Lính” của CSVSQ Võ Ý, K17)*



*CSVSQ Hoàng Mão, đại diện Khóa 20, nhiệm kỳ 2019-2021*



*Các quan khách đang nghiêm chỉnh chào cờ.*



*Vài hình ảnh kỷ niệm*





*Vài hình ảnh kỷ niệm*



## *Người Hát Nhạc Vàng Rong*

*Trần Ngọc Toàn, K16*

Sau gần chín năm tù đày “cải tạo”, bị chuyển trại từ Nam ra Bắc rồi từ Bắc vào Nam, với thân xác gầy còm, dưới họng súng AK của bộ đội và công an Việt Cộng, tôi được giấy ra trại vào đầu tháng 3 năm 1984. Từ “Trại Cải Tạo” Hàm Tân Z30C, tôi vội ráo bước ra khỏi khu trại giam, trước những vẫy tay từ giã của những người đồng đội, đồng cảnh ngộ. Tại ngã ba đường vào trại tù và Quốc lộ I, những người được tha đứng, ngồi sốt ruột chờ xe về Sài Gòn. Vào lúc này, tình trạng kinh tế sa sút và thiếu hụt xăng dầu chạy xe đến nỗi người ta phải lấp thùng than đốt, cặp bên hông xe thay bình xăng, như thời 1945.

Độ nửa giờ sau, một chiếc xe đồ chạy bằng than đốt, chất đầy hành khách lam lũ buôn bán, dừng lại. Trong tiếng la “Lên đi, lên lên” của anh phụ xe, có tiếng người tài xế hỏi lớn: “Cải tạo mới về hả? Lên đi. Cho miễn trả tiền xe.” Chúng tôi cố chen chân lên xe khi xe từ từ lăn bánh. Tôi đứng vịn ở cuối hàng ghế chật ních người và quang gánh, đổi mắt nhìn hai bên đường tìm lại cảnh cũ, với tấm lòng bồi hồi của người vừa thoát khỏi trại tù khổ ải, trở về mái nhà xưa.

Chợt tôi nghe vang lên tiếng đàn guitar xập xình và tiếng hát giọng ngập ngừng: “Mùa Xuân năm đó anh ra đi. Mùa

Xuân này nữa anh chưa về. Những hôm vừa xong phiên gác... Đồn anh đóng ven rừng mai. Nếu mai chưa nở anh đâu biết Xuân về hay chưa...” Sau bao nhiêu năm nặng nề trôi qua, chợt nghe lại khúc nhạc ngày xưa, tự dưng lòng tôi xốn xang và nước mắt tràn lên khóe mắt. Tôi không sao kềm nổi xúc động trào dâng.

Khi lên xe chọn rộn, tôi không nhìn lên phía trước xe nên không thấy người hát rong, đang ôm cây đàn guitar cũ, xộc xệch đứng đầu hai hàng ghế ngồi của khách. Cao gầy, anh đội chiếc mũ vành rách bươm lệch trên mái tóc dài bạc, loe ngoe. Bàn tay trái của anh bị đứt lìa ba ngón, chỉ còn ngón cái và ngón trỏ. Mắt trái của anh bị mù chỉ thấy lòng trắng nhấp nháy. Người hát rong vẫn cất giọng ca nào nê với tiếng nhạc đệm bập bùng, trong im lặng của đám đông hành khách và tiếng máy xe nô xì xụp. Trong số hành khách ngồi lặng lẽ nghe, tôi chợt nhận ra một tên cán bộ mặc đồng phục vàng của Công An, với túi “dét” toong teeng trước ngực. Hẩn ngời im giữa đám đông “phe ta” và không lộ một thái độ gì rõ rệt. Vừa dứt bản “Đồn Vắng Chiều Xuân”, anh hát rong ca tiếp “Xuân Này Con Không Về...”.

Lòng tôi bàng hoàng xao xuyến. Dù trải qua biết bao năm tù đầy nhưng lòng tôi vẫn chợt bồi hồi, thổn thức khi nghe lại những lời của bản hát. Sao nó diễn tả đúng tâm trạng của những người lính năm xưa như thế? Trước đây, khi nghe những bản nhạc này tôi vẫn vội cho là “nhạc sến”. Nay tôi thấy sao mà thấm thía, vì nó nhắc cho tôi cả một bầu trời kỷ niệm, mà tôi ngỡ là đã quên.

Dứt khúc nhạc, anh hát rong lần mò bước theo hàng ghế, với chiếc mũ rách trên tay chìa ra phía trước. Hành khách tự động bỏ tiền vào nón, không ai bảo ai. Tôi đoán anh là thương phế binh. Khi dúm một ít tiền lộ phí được cấp ra trại, tôi hỏi nhỏ:

- Hồi trước anh ở đơn vị nào?

Anh hơi ngần người rồi đáp:

- Tiểu đoàn 33 Biệt Động Quân.

Ngần gọn thể thôi. Tôi có ý định sẽ theo anh khi đến Sài Gòn, vì vợ con của tôi đã vượt biên từ năm 1979 nên tôi không gấp về nhà. Xe tạm dừng ở Ngã Ba Tam Hiệp, một số khách ào ạt nhảy xuống với gánh hàng. Một số chen lấn lên xe. Miền Nam đã thực sự bị “giải phóng” xuống tận cùng nghèo khó. Hai bên xa lộ Biên Hòa, Khu Kỹ Nghệ vẫn còn như cũ, nhưng sau chiếc cầu bắc ngang sông Đồng Nai là những mái che lụp xụp, hỗn độn, bằng vật liệu cũ, hư hỏng, cao thấp không đều

*Người  
thương  
bình này,  
đã có một  
thời cùng  
chung  
chiến đấu  
với chúng  
ta, giờ này  
đang ở  
đâu?*



như có chen chân tìm đất dung thân, với những hàng quán ăn uống, sửa xe, chòm ra sát đường lộ. Không còn một chỗ đất trống cho mãi đến tận chân cầu xa lộ Saigon.

Đường dẫn vào Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa bị che khuất vì nhà cửa dựng tạm. Tôi cố dỗi mắt nhìn lại cảnh cũ nay đã mất dạng. Lòng tôi không khỏi bàng hoàng vì Việt Cộng đã đẩy Miền Nam vốn thịnh vượng dật lùi lại 20 năm, giống như hình ảnh điêu tàn của Miền Bắc, khi chúng tôi bị đưa ra đây vào năm 1976. Xã hội ấy vẫn còn sống như trong thập niên 1950.

Xuống xe ở bến cảng Miền Đông, tôi lần chần chờ theo chân anh hát rong khi anh cứ thong thả chống gậy bước xuống sau cùng. Tôi theo chân anh hướng về ngã ba Hàng Xanh. Chợt anh dừng lại trước một quán bán cơm bình dân, bên vệ đường. Anh thong thả kéo chiếc ghế đầu ra ngồi, rồi lần mò trong túi quần lôi một nắm tiền Hồ nhãn nhúm. Anh từ từ nheo mắt vuốt từng tờ giấy bạc và xếp thẳng thớm trên một bàn tay. Chiếc đàn vẫn còn treo lủng lẳng sau lưng. Tôi kiên nhẫn đứng chờ bên kia đường. Khi thấy anh nhét tiền vào ngực áo bên trong và gọi ly nước trà, tôi mới rảo bước qua và kéo chiếc ghế ngồi đối diện với anh. Tôi mở lời:

- Tôi gặp anh trên xe đò. Tôi mới ra tù. Tôi nghe nói anh đã ở Tiểu Đoàn 33 BĐQ.

- Anh là ai?

Sau khi tôi tự giới thiệu, anh nhướn mắt nhìn tôi một lát rồi nói nhỏ nhẹ:

- Anh “cải tạo” mới ra? Tôi là Bảy. Nguyễn Văn Bảy. Tôi bị thương hồi giữa tháng 3/ 75 ở Dầu Giây rồi được chuyển về Tổng Y Viện Cộng Hoà. Vết thương chưa kịp lành thì bị VC ủa vào đuổi hết anh em tụi tui ra ngoài, mặc dầu có người còn mang bịch thuốc tiêm. Tôi cố xin mang theo cây đàn guitar ra, khi bị đuổi ra ngoài. Một thằng bộ đội giựt cây đàn rồi đập xuống sàn nhà. Tôi nổi điên định chống cự nhưng thằng bạn phé binh cụt hai chân níu tôi lại. Sau cùng tôi đưa lưng công thằng Bé lên lưng, lần mò ra cổng Tổng Y Viện. Khi nhìn quanh thấy anh em bò lét, bò càng mà tôi đau ruột. May nhờ một số đồng đồng bào đi ngang thấy vậy cảm lòng không được nhào tới cứu giúp. Họ cho tụi tui một nắm tiền, rồi có anh xe lam cho lên xe chạy về bến xe Miền Đông vì thằng Bé (Tên Bé) nhà ở Phan Thiết.

Tôi mồ côi cha mẹ ở Nhà Bà Phước. Đến năm 17 tuổi, tôi đăng lính BĐQ nên chẳng có nhà mà về. Tôi muốn giúp đưa thằng Bé về nhà cha mẹ nó. Nghe nói nhà nó ở Phong Năm,



Phan Thiết. Nó chỉ đường tôi đi. Cuối cùng tôi cũng đưa nó về tận nhà. Má nó khóc quá trời làm tui cũng tủi thân. Cuối cùng, tui ở lại nhà nó. Nhưng tôi không đành lòng ăn chực nên tui ra chợ kiếm được cây đờn cũ sửa lại rồi mỗi ngày lang thang ngoài phố hát dạo xin tiền. Một bữa, có anh lơ xe rủ tui lên hát trên chuyến xe đi Sài Gòn. Từ đó, mỗi ngày, tui lên xe đò hát dạo. Đến chiều, tôi theo chuyến chót về lại Phan Thiết.

Có lần, khi tui đang hát một thằng công an áo vàng la lên “Ai cho anh hát nhạc vàng”. Tui khựng lại. Nhưng có hai bộ đội trên xe nói lớn: ”Nó không muốn nghe. Kệ nó. Cứ hát đi.” Từ đó, tui không gặp khó khăn nữa.

- À mà sao anh không lo về nhà gặp gia đình? Chắc anh là sĩ quan?

- Vợ con tôi vượt biên từ năm 1979 nên tôi không gặp gặp gì. Tôi trước là lính TQLC. Tôi đáp:

- Thứ dữ! VC thù ghét lắm. Anh hát rong buột miệng nói.

\* \* \*

Tôi chào anh từ biệt. Nhìn đường phố Sài Gòn bây giờ tôi biết tôi đã mất quê hương. Bỗng dưng tôi chợt nhớ bài thơ, ”Em Hỏi Anh Bao Giờ Trở Lại?” của Linh Phương, một người lính ở Tiểu Đoàn 7 TQLC, đã được Phạm Duy phổ nhạc. “Anh trở về đang dở đời em...”

Nhất định tôi phải tìm đường vượt biên dù phải trả mạng sống.

## ***Con Sáo Bạc Má và Người Tù\****

*Giang Văn Nhân, K22*

Âm thanh chói tai của tiếng keng phát ra từ chòi gác ngay công Trại 5 tù ở Bình Điền làm mọi người thức dậy. Không khí các “lán” trở nên ồn ào khi tiếng kêu lấy nước nóng để uống cũng như chầm đày bi đống của bác Huỳnh trực “lán”, vừa gánh nước đun sôi từ nhà bếp. Sau đó, bác vội vã trở lại nhà bếp nhận phần ăn sáng cho “lán”, với những củ khoai mì (sắn) sứt sẹo hấp chín, trên các khay tròn bằng kim loại pha nhôm bị oxy hóa cũ kỹ móp méo. Mỗi khay là phần ăn ít ỏi của 6 người tù.

Vào mùa đào khoai lang, trại cho nhà bếp cung cấp vào 3 bữa ăn sáng trưa và chiều tối, một thời gian phải ăn bo bo mà Ấn Độ viện trợ cho nhà nước Cộng Sản Việt Nam nuôi gia súc, bác Huỳnh cùng mấy người tù lớn tuổi răng lung lay, cái còn cái rụng, móm mém nhai không kỹ nuốt vào rồi khi thải ra cũng y chang như vậy, ngay cả người trẻ cũng thế vì cái vỏ của nó dai, khó tiêu.

Từ khi con sáo bạc má của anh Châu nuôi biết bay, nó như hiểu được nỗi khổ tâm của người tù khi nghe keng. Mỗi lúc sáng sớm trước giờ khua keng, nó bay từ trong rừng lượn qua các “lán” và cất tiếng hót, âm thanh như nốt nhạc yêu thương, du dương chan chứa tình cảm. Khi nghe tiếng hót, mọi người

thức dậy mỉm cười và tất cả hiểu rằng đó là con sáo của thằng Châu, người tù không bản án.

Châu ra trường tình nguyện về binh chủng Thủy Quân Lục Chiến. Tháng 3 năm 1975, đơn vị anh đang phòng phủ tuyến Sông Bò thì địch quân mở những cuộc tấn công thăm dò nhưng bị tiểu đoàn của Châu chặn đứng. Thành linh, trên ra lệnh TQLC phải triệt thoái vô Đà Nẵng bằng đường thủy, điểm tập trung tại bờ biển Phú Thứ, và sẽ được tàu Hải Quân vào đón. Được biết sau buổi họp phân chia nhiệm vụ cho từng đơn vị đang hiện diện trong lãnh thổ tỉnh Thừa Thiên, Trung Tướng Lâm Quang Thi, Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn I, đã lên trực thăng vào Đà Nẵng.

Tới nơi an toàn, ông chỉ huy qua máy truyền tin PRC 25 cho các đơn vị, nhưng ông không nhìn thấy tình hình thật sự của điểm tập trung mà ông hoạch định. Tàu HQ của Hải Quân neo xa tít ngoài tầm hỏa tiễn địch quân. Từ 10 giờ sáng đến 7 giờ tối ngày 25 tháng 3 tàu Hải Quân bất động, đáng lý ra thời gian này rất thuận lợi cho tàu vào bốc, vì áp lực địch còn ở xa điểm tập trung. Ngày hôm sau, một chiếc LCM vào bốc Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn TQLC cùng thương binh tử sĩ, công việc chưa hoàn tất thì tàu vội vàng de ra ngay. Mấy giờ sau, một chiếc khác ủi vào bãi, lúc đó con nước ròng mà số người tràn lên quá đông nên tàu bị mắc cạn. Một chiếc khác vào kéo cũng không được. Mờ sáng ngày 27 tháng 3, tàu HQ biến mất trên biển, vì đã nhỏ neo trong đêm tối. Cả đoàn quân trên bờ hết hy vọng, như cá bỏ trong rọ nên bị bắt. Kế hoạch của Tư Lệnh Tiền Phương thất bại hoàn toàn, nhưng Trung Tướng Lâm Quang Thi, ở trong Đà Nẵng, đã mạnh dạn tuyên bố tàu HQ của Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại chuyên chở được hơn phân nửa Lữ Đoàn TQLC vào Đà Nẵng.

Người tù cấp thiếu úy và trung úy phải cuộc bộ từ Cây Số 17 lên Khe Sanh rồi đến Tà Cơn gần biên giới Lào, sau khi VNCH bị bức tử. Toàn bộ các tù nhân lại phải đi bộ trở về Cồn Thiên, rồi Ái Tử, sau rốt là Bình Điền, nơi mà người dân

thường ví: “Cọp Bình Điền, nước Khe Điền”.

Các trại tù ra công sức phá rừng, khai khẩn đất để trồng trọt, dẫn nước làm ruộng lúa, nông sản dồi dào nhưng vẫn ăn độn sắn khoai. Số lượng thực phẩm nuôi tù quá ít nên tù bị đói ngày này qua ngày khác, nếu không có gia đình bới xách thì chẳng biết thân phận người tù sẽ ra sao. Một hôm gần ngày Tết Nguyên Đán, toán của Châu tăng cường vào rừng chặt cây cung cấp củi cho nhà bếp. Thân cây to bỏ nhào sau khi “dứt gáy” (*cây bị chặt gãy*), tổ chim văng ra và một con chim mới nở còn sống sót. Anh em trong toán nhìn con chim non đỏ hồng, miệng đang há rộng đòi ăn.

Nhớ thời gian gần cuối năm 1977, lúc Đoàn 76 của Quân Đội Cộng Sản quản trị tù, một số anh em các trại tù đi “lao động” khổ sai ngoài Thanh Hóa, vết Kinh Mụ Bà thuộc thị trấn Đô Lương, rồi sau đó phá rừng ở Sông Mực, Thanh Hóa. Thật sự đây chính



là địa ngục trần gian, vì người tù làm việc quá sức, trong khi thức ăn là cái bánh bột mì mỏng và tròn nằm gọn trong lòng bàn tay, bụng đói meo mà khi nuốt nó vào bao tử khoảng một giờ sau là cơn đói trở lại.

Người tù lúc cởi trần, có thể đếm được từng cái xương sườn của mình. Khi bước đi, người tù chỉ vướng vào cỏ dại bò trên mặt đất là té bỏ nhào. Dụng cụ cấp phát gồm rựa, búa, lưỡi rìu dùng để chặt hạ khu rừng gồm các loại danh mộc: dẻo như Táo, xoắn như Trường Mật, và cứng như Lim (*rừng Thanh Hóa sản xuất nhiều gỗ Lim*). Lúc đó không một sinh vật nào thoát khỏi tay người tù, ngay cả con cheo phóng chạy thật nhanh, nguy hiểm trước con rắn phùn mang phát tiếng khè đê

đọa; cóc nhái, các kè, tắc kè, ong mật, đủ loại trái cây rừng... Nhờ sinh vật và thực vật đó mà người tù như những bộ xương biết đi còn tồn tại. Vài anh già từ bạn bè vì trúng độc, bị cây đề, cảnh tù vô vọng thành quân trí nên quyên sinh.

Trở về Ái Tử, Đoàn 76 bàn giao cho Công An quản trị, tất cả các trại tù chuyển hết vào Bình Điền. Nhờ hy sinh của gia đình, dành dụm để bới xách thực phẩm và thuốc men bồi bổ lên thăm, nên sức khỏe mọi người từ đó được phục hồi. Khi thấy con chim đỏ hỏn, anh em thương hại, nhìn chung quanh không thấy chim mẹ, nếu để lại có thể sẽ làm môi cho sinh vật khác đang sống trong rừng. Châu được anh em ủy thác săn sóc, và mỗi người sẽ tìm bắt cào cào châu chấu, sâu bọ đem về cho chim.

Châu dùng cỏ khô bện lại làm cái tổ, mỗi lần chim con há miệng kêu là anh dùng tay bóp dập con cào cào rồi đút vào miệng nó. Hằng ngày anh em cung cấp cả chục con châu chấu, dế cho chim, đôi khi phụ thêm chút bánh in do gia đình mang lên. Mỗi khi về đến “lán”, Châu đem cái tổ đặt giữa bàn, trong khi anh em ngồi chung quanh ăn khoai mì, lúc thì khoai lang, hoặc bắp hột, hay khoai mì, sắn lát phơi khô bị mốc meo, nhai sùng sục khó nuốt. Riêng chim con được cả toán săn sóc cẩn thận, đầy đủ đồ ăn riêng cho nó. Đây là niềm vui chung duy nhất của nhóm người tù.

Chim được cho ăn no mỗi tối. Tổ chim đặt trên dàn chứa ba lô và giỏ xách và đặt nó trong cái lồng tạm để phòng ngừa chuột tấn công vào ban đêm mà thôi. Là thân phận tù nên anh em không muốn cảnh cá chậu chim lồng. Những tối họp “lán” để “bình bầu” hay “đấu tố” theo lệnh của trại, chim được giấu trong thùng gánh nước mà bác Huỳnh để bên ngoài.

Chim lớn nhanh, màu sắc bộ lông của con chim là Sáo Bạc Má. Ngày nó tập bay từ trên bàn xuống đất, rồi là đà qua các bàn, anh em vỗ tay, cười vui như khuyến khích cố rần lên. Nó nghe và hiểu tiếng huýt sáo của nhóm nuôi nó, nên khi nghe

nó ngẩng đầu về hướng đó. Ngày kế tiếp nó bay đậu trên hàng rào trại tù, trên mái tranh. Anh em mỗi khi có con cào cào, dế, hay châu chấu, chúm môi huýt sáo thì nó liền bay đậu trên vai và dùng mỏ quặp con mồi. Cuộc sống của con Sáo Bạc Má và người tù như có mối tình cảm liên kết không sao giải thích được. Mỗi lần xuất trại, khi toán bước ra khỏi cổng vài trăm thước là thấy con Sáo bay theo. Nhóm của Châu khi cuốc đất hay làm cỏ, người nào bắt được con mồi, liền huýt sáo là nó bay sà đến. Một buổi chiều sau bữa ăn tối nó bay thẳng vào rừng, và mấy ngày sau không thấy tăm hơi, anh em buồn bàn luận nhiều về nó.

Bác Huỳnh thức dậy sớm, khi âm thanh tiếng keng vừa vang lên là bác gánh đôi thùng rời khỏi “lán” bước nhanh đến nhà bếp. Bỗng dưng hôm nay bác nghe tiếng hót của con khướu đang quyện trên không, và mọi người cùng ngồi bật dậy. Đó là tiếng hót của con Sáo Bạc Má mà nhóm thằng Châu nuôi. Một chập sau tiếng keng khuấy động cảnh yên tĩnh của núi rừng vùng căn cứ Bastogne khi xưa. Con Sáo đã trở về với những người tù không bản án.

Từ dạo đó, nó đánh thức cả trại tù bằng âm thanh du dương mỗi buổi sáng, nhảy trên vai Châu cùng những người trong nhóm đang ngồi cùng vài củ khoai mì ít ỏi trước mặt. Nó rữ lông, thân tình cạ đầu vào má người tù. Khi có keng tập hợp, nó bay ra ngoài trại rồi bay theo người tù đi làm việc khổ sai như hình với bóng. Lúc ánh nắng chiều chìm xuống nơi chân trời là lúc con sáo rời trại tù bay thẳng vào rừng.

Trong số công an dẫn người tù đi làm việc, có tên Thu người gốc Quảng Bình hổng hách, ra khỏi cổng là hối thúc anh em bước nhanh. Mỗi khi khai khẩn đất trồng khoai thì hẳn bảo:

- Này, các anh giờ cuốc lên cho chim đậu, cuốc xuống đất cho mồi ăn đấy hỉ?

Hôm nào tên Thu dẫn “lán” của Châu đi làm, trời trưa nắng

hắn hay ngồi trong bóng im, con sáo đậu trên cành và ị trên nón cối hắn. Lúc đầu hắn không để ý, dần dà hắn cảm thấy có gì khác lạ. Một lần sau giờ nghỉ giải lao, hắn đang gần giọng quát tháo anh em tù, lập tức từ trong lùm cây con sáo bay nhanh quẹt ngang sống mũi hắn, hắn giựt mình vì bất ngờ nhưng hắn nhìn thấy dáng con chim bay khuất trong lùm cây. Hành động của con sáo được người tù thần phục, có anh cho rằng vong linh của tử sĩ VNCH tại căn cứ Bastogne ở trong nó.

Một hôm tên công an Thu lại dẫn đội của Châu vừa ra khỏi cổng, con sáo lượn ngang cào trên nón cối của hắn, anh em nhìn nhau với ánh mắt vui mừng. Đội dọn đất sạch sẽ để



chuẩn bị cho trâu cày xới đất rồi bón phân xanh, kế hoạch sẽ trồng đậu giúp đất màu mỡ. Anh em bắt được cào cào để thưởng công cho nó. Giờ giải lao, nhóm của Châu ngồi dưới gốc cây, Châu hút gió thì con sáo sà xuống, anh em để thức ăn trên lòng bàn tay cho nó. Con Sáo bay đậu trên nhánh cây, nó cất tiếng hót vui tươi cho những người tù

Đoàn!

Tiếng đạn xẹt qua đầu người tù, con sáo rớt xuống đất, lông lá tả bay, Châu chụp vội con Sáo trong lúc tiếng kêu tập hợp của anh đội trưởng.

Những ngày làm việc, khi có súng AK nổ, vọng gác đánh keng báo động, các đội đang làm việc phải tập hợp ngay điểm danh. Lúc đó toán công an nơi ban chỉ huy trại tủa ra, một số chạy đến chỗ đội của Châu. Từ xa, anh em nhìn thấy tên công

an Thư phân bua gì đó với họ. Một lát sau họ rút lui, anh em lại tiếp tục làm việc đến hết giờ trở về trại.

Buổi ăn chiều thật buồn thảm, con sáo đã bị tên Thư cắn thù, theo dõi và bắn chết nó. Nhóm của Châu âm thầm đặt xác con Sáo trong cái ly nhựa, và chôn tại bàn ăn của nhóm. Trong bóng đêm, anh em làm giống nghi thức hạ huyết, truy điệu cho người lính trận hy sinh.

Vào năm thứ sáu anh em lần lượt ra tù, nhóm chỉ còn lại Châu. Khi nghe xướng tên mình được phóng thích, anh trở về “lán” thu dọn vật dụng. Anh đã suy tính từ lâu, khi nghe và thấy nhà tù mới đang khởi công xây cất với thép và ciment đúc kiên cố, tương lai các trại tù sẽ gom hết về nơi đó. Với Châu dù ở đâu cũng là thân phận người tù, nhưng thân xác con Sáo không thể nằm trong vòng kềm gai của trại tù, dù rằng mai này trại này bị dẹp bỏ.

Châu ra ngay chỗ bàn ăn, đào lấy cái ly nhựa đựng xác con Sáo, gói cẩn thận để vào ba lô. Trên đoạn đường ra ngã ba từ Bình Điền đến Ashau, anh tạt vào khuất sau đám chòi, đào đất rồi trịnh trọng đặt cái ly nhựa xuống. *Những kỷ niệm từ con chim đỏ hồng, tôi con sáo bạc má, tiếng hót dễ thương, hành động dũng cảm với tên công an Cộng Sản, giọt nước mắt dành khóc cho đồng đội của người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nay trào ra khóe mắt, trộn lẫn vào nắm đất vừa lấp trên cái ly nhựa.*

Khi chiếc xe đồ nhỏ vừa chuyển bánh rời bến Bình Điền, Châu ngoái nhìn lại con đường vào trại tù. Anh mừng tượng con Sáo Bạc Má đang cất tiếng hót, và vỗ cánh bay về hướng ngọn đồi của căn cứ Bastogne ngày trước. Những người lính đang huýt gió chờ nó đến. Bỗng dưng, anh nghe thoảng bên tai nhạc quân hành, hoà cùng ca khúc “Chiến Sĩ Vô Danh” trong ánh nắng ban chiều phủ xuống bến phà qua sông Hương.

**\* Phóng tác theo câu chuyện thật của bạn tù Ái Tử Bình Điền.**





## GIẤC MƠ CỦA NÀNG TÔ

Nguyễn Diễm Nga - K17/2

.... Bỗng dung nàng trở thành một trong vô số những nàng Nàng Tô của Miền Nam tiễn chồng lên đường vào những trại tù Cộng Sản, nơi rừng thiêng nước độc, mà phe “chiến thắng” đầy dã tâm của Miền Bắc luôn lu loa cùng thế giới bên ngoài rằng họ sẽ “khoan hồng cải tạo” những người anh em quân dân cán chính miền Nam.

Từ đó, nỗi chờ đợi ám ảnh nàng từng ngày, từng đêm... nàng như hóa thân vào những câu hát Hòn Vọng Phu:

*“Người vọng phu trong lúc gió mưa  
Bé con đã hoài công để đứng chờ  
Người chồng đi đã bao năm chưa thấy về  
Đá mòn, nhưng hòn chưa mòn giấc mơ...”*

Giấc mơ của nàng “chưa mòn”, và nhất định sẽ không hề mòn mỏi, vì người ta cần bám víu vào tình yêu và mơ ước để mà sống sót, để mà tồn tại trong những hoàn cảnh cùng cực đen tối, nghiệt ngã nhất trong cuộc đời.

Nàng cũng vậy. Ba mươi tuổi đời với hai bàn tay trắng, một nách bốn con thơ. Nàng sẽ phải làm gì đây để chống chọi qua ngày?

Bất giác nàng nhìn xuống đôi tay của mình như thể đang tự soi bóng bên mặt hồ ký ức phẳng phát đồng thơ tình tự của thi sĩ Nguyên Sa, người thầy từng dạy Việt Văn cho nàng thời trung học.

*Sài Gòn phóng solex rất nhanh  
Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants  
Có nghe hơi thở cài vương miện  
Lên tóc đen mềm nhưng rất nhưng*

Đó chính là hình ảnh của nàng trước khi “theo chồng bỏ cuộc chơi”. Nàng cũng từng là một trong những cô gái thích “Tám phố Saigon” như vậy.

Rồi tình yêu đến, nàng đã lên xe hoa và theo người chồng quân nhân thuyền chuyễn qua những vùng chiến thuật: Saigon, Đà Nẵng, Nha Trang, Pleiku, nơi những đứa con đã lần lượt ra đời. Bốn phận làm vợ và làm mẹ không còn cho phép nàng mơ mộng. Tổ ấm cuối cùng của gia đình nàng là một gian nhà nhỏ trong dãy nhà dành cho sĩ quan tại phi trường Tân Sơn Nhất. Những ngày cuối tháng tư, giữa tiếng bom rơi và đạn nổ, nàng chỉ kịp xách vội cái ấm nước vì nỗi ám ảnh các con bị chết khát trong hầm tránh bom, không kịp mang theo thứ gì khác. Khi trở lại, ôi thôi có còn gì!

Giờ đây, nhìn bốn đứa con ngủ bên nhau như một bầy cún con trong căn gác nhỏ từ khi mấy mẹ con nàng “về ngoại” nương nhờ, lòng nàng chợt quặn lên một nỗi lo sợ: Làm sao để nuôi chúng lớn lên? Làm sao để dạy dỗ chúng nên người khi thiếu vắng bóng hình cha?

Nàng cảm thấy mình yếu đuối hơn bao giờ hết!

Những điều mà nàng tự trang bị vào đời chỉ toàn là những gì trong sách vở, báo chí, trong những cuốn magazine mà từ khi còn là một cô gái nhỏ, cứ có đồng nào là nàng lại ra tiệm sách mua về và đọc ngấu ngiến.

Những điều đó giờ này giúp ích gì cho nàng cơ chứ?

Nàng vốn sống nội tâm và chỉ có vài người bạn thân giờ đây tản mác khắp nơi. Nàng không giao du nhiều và việc buôn bán dường như là “sở đoản” của nàng. Tuy nhiên, nàng hiểu rõ là giờ đây mình cần phải đổi mặt với thực tế để sống còn cùng với bầy con để chờ đợi chồng về.

Nàng lục lọi trong trí óc của mình một cách tuyệt vọng và bỗng dung nhớ đến một bài thơ vui vui của đại thi hào người Pháp Jean De La Fontaine. Đó là bài thơ “La Laitière et le Pot au Lait”, kể về giấc mơ của cô nàng bán sữa mang tên Perrette.

*Perrette sur sa tête ayant un Pot au lait  
Bien posé sur un coussinet,  
Prétendait arriver sans encombre à la ville.*

...

Bài thơ đã được nhạc sĩ Y Vân chuyển thể thành nhạc Việt với giai điệu “tung tăng” như sau:

*Có Bê-Rét sữa mang trên đầu  
Gọn gàng xiêm áo lên đường  
Lòng hân hoan sướng vui  
Chân đi nhịp nhàng*

Miệng luôn suy tính  
Tiền liềm sữa bán đi  
Không gì cho bằng nên tính xa gần  
Tìm mua trăm trứng ngay

*Sau đây sẽ nở bầy gà mắc trăm  
Gà đem bán sẽ mua heo  
Rồi đem heo bán mua bò  
Bò ngày mai sẽ sinh bê*

Một bầy đông như ý  
Nàng tung chân múa may trên đường  
Nhẹ nhàng liềm rót tan tành  
Lời hay lỗ cũng đi theo heo

*Theo bò trăm gà mất luôn*

*Ngồi đây khóc kêu trời  
Về nhà còn ăn roi.*

Nàng chợt mỉm cười và cảm thấy phấn chấn hẳn lên khi ôn lại một loạt những câu chuyện ngụ ngôn của vị đại thi hào nổi danh của này, ví dụ như câu chuyện “Thỏ Và Rùa” chẳng hạn. Không ai nghĩ chú Rùa chậm chạp mang cái mai nặng nề lại có thể về đích trước Thỏ. Bởi vậy, giấc mơ của nàng Perrette đâu thể sánh với giấc mơ của Nàng Tô!

Nàng chợt nhớ đến những công thức làm bánh flan và yaourt. Ngày xưa ở Nha Trang và Pleiku, nàng đã từng làm những món này bỏ mỗi cho Câu Lạc Bộ Sĩ Quan để kiếm thêm chút tiền phụ vào ngân quỹ “tiền lính - tính liền” của chồng.

Đúng rồi! Nàng có thể làm một món gì tương tự như vậy, nhưng với nguyên liệu rẻ và dễ kiếm hơn. Đôi mắt nàng chợt chạm phải nải chuối sứ đặt trên chiếc bàn ngay gần đó.

Chuối! Một món gì làm bằng chuối, vừa ngon vừa lành như trong ca dao

*Mẹ già như chuối ba hương  
Như xôi nếp mật, như đường mía lau*

A! Nàng sẽ làm món “chuối rim đường”. Đáng lẽ phải gọi là “chuối ngào đường” mới thật đúng nghĩa, nhưng nàng thích chữ “rim” hơn vì hình ảnh của một ngọn lửa hồng nho nhỏ lung linh. Nàng vui hẳn lên và thêm thiếp chìm dần vào giấc mộng.

Sáng hôm sau nàng thức dậy thật sớm và đi chợ. Nàng chọn được hai nải chuối sứ thật ngon với giá hời. Những quả chuối béo múp míp dễ thương trong lớp vỏ vàng điểm một vài đốm đen nhàn nhạt như những “nốt ruồi duyên” đặc biệt của chuối. Nàng mua thêm một ký đường thẻ bằng nửa số tiền vốn ít ỏi còn lại, rồi vội vã về nhà... “tay ngọc bên bếp hồng”.

Mùi đường ngào thơm ngọt đánh thức khứu giác của lũ trẻ, bốn đứa con và sáu đứa cháu con ông anh nàng. Chúng chạy

ùa vào bếp riu rít hỏi han và châu chực. Nhưng rồi khi biết đây là “business” của nàng thì cả bọn chúng đều tiu nghỉu như mèo cụp đuôi, thật tội nghiệp!

Mới có mấy tháng kể từ ngày được Cộng Sản miền Bắc “giải phóng”, những đứa trẻ miền Nam bỗng trở nên “bơ vơ” mới đáng thương làm sao. Chúng gầy ốm xanh xao, khẳng khiu và đen đúa như những que củi.

Sau khi chồng vào tù, nàng phải dọn về cầu cứu với gia đình người anh trai. Anh trai nàng và chị dâu nhân dịp đó cũng tìm cách “đi tiền trạm” chuyển về Lái Thiêu làm ruộng sinh sống, gửi lại cho nàng sáu đứa con ở lại thành phố học hành tạm thời trong thời gian “chưa biết tính sao”.

Bốn đứa con, cộng với sáu đứa cháu, vị chi cả thầy là mười đứa. Nàng chật vật chạy cơm từng ngày. Nàng phải mua một chục chiếc bát bằng nhôm để không bị lũ trẻ lỡ tay làm vỡ. Những bữa ăn toàn là cơm nấu độn với đậu đen hoặc với bắp, rắc thêm vài sợi dưa bào là thực đơn thường trực của nàng và lũ trẻ. Họạ hoàn lấm mới có một bữa thịt kho do ông anh từ Lái Thiêu tiếp tế lên thành phố. Những hôm như vậy, lũ trẻ vui lắm. Nhưng chúng ngầm hiểu là mỗi đứa chỉ được phép gắp đúng một miếng. Đứa nào “phạm luật giang hồ” sẽ bị “Đại Ca Quân”, đứa cháu trai lớn nhất trong bọn “xử” liền.

Tội nghiệp thằng bé út Dũng của nàng. Nó mới lên ba, mới có tí tuổi đầu mà sao đã hiểu rõ cách thưởng thức “save the best for last” ngay từ ngày ấy thế không biết? Miếng thịt của nó luôn được giấu dưới đáy chiếc bát nhôm, phủ cơm nóng bên trên. Nó cứ ăn cơm không, rồi mãi đến miếng cuối cùng mới nhai miếng thịt một cách từ tốn đầy khoan khoái. Dường như đó là cách mà nó lưu giữ hương vị của miếng thịt mỏng và nhỏ “không đủ nhét kẽ răng” nấn ná với nó lâu hơn... cho đến lần sau!

Nàng và lũ trẻ bên ngoài sống khó khăn và thiếu thốn như vậy, nhưng qua những người đồng cảnh ngộ nàng biết rất rõ

rằng những người chồng đang sống dở chết dở bên trong các trại tù Cộng Sản. Nàng ứa nước mắt nhớ câu chuyện kể lại về một vị quân nhân đã chết sau một cơn kiết lỵ trong tù, trong tay vẫn nắm chặt một chiếc kẹo đường.

Mùi đường nâu chảy tan ra và xông lên mũi nàng thơm ngào ngạt. Nàng đưa tay áo lên lau khô nước mắt và đảo đều tay đũa để số đường ít ỏi có thể thấm đều quanh những trái chuối.

Không bao lâu sau thì nàng đã rim xong. Thành phẩm là một mẻ chuối nằm ngoan trong chiếc chảo rộng với những quả chuối trần tròn lẳn, khoác một lớp áo đường màu nâu đỏ như màu mật ong thật quyến rũ. Nàng dùng những chiếc que tre cắm vào mỗi trái chuối và điểm nhẹ đó vài hạt mè rang vàng làm tăng sức hấp dẫn của thị giác và vị giác. Nàng cũng thèm ăn một miếng vô cùng, nhưng phải khó khăn dằn lại.

Nàng lót một lớp lá chuối xanh vào bên trong cái nồi chõ nấu xôi rộng vành. Sau đó, nàng khéo léo xếp đều những “cây chuối rim” tròn đều vào lòng chõ trông rất đẹp mắt. Nàng cẩn thận đập nắp bên trên, rồi dùng vài sợi dây thun ràng nắp nồi lại cho thật chặt.

Nàng dặn dò lũ trẻ ở nhà rồi cấp cái nồi chõ đựng chuối rim một cách chắc chắn bên hông và bước về hướng ngôi trường tiểu học Trương Minh Giảng ngay đầu đường.

Nàng ngượng nghịu cười khi chợt nhận ra nét tương đồng giữa mình và cô Perrette trong thơ:

### ***Nàng Tô cắp chuối mang bên mình***

*Gọn gàng xiêm áo lên đường*

*Lòng hân hoan sướng vui*

*Chân đi nhịp nhàng*

*Miệng luôn suy tính...*

Nhưng nàng biết mình tính toán chắc chắn, khiêm nhường và thực tế hơn cô Perrette rất nhiều. Nàng chỉ mơ ước được

“một vốn, bốn lời”. Một phần để dành xoay vòng vốn, một phần để dành mua quà thăm nuôi chồng, một phần để dành đi chợ qua ngày, và phần cuối cùng dành dùm lại phòng khi cơ nhỡ.

Đến nơi, nàng tìm cho mình một chỗ thích hợp giữa những người buôn bán quà vật nơi lề đường trước cửa trường học. Những người bạn hàng chung quanh thoạt nhìn nàng bằng ánh mắt soi mói, nhưng sau đó là cảm thông có lẽ là vì bề ngoài hiền lành của nàng.

Cảm tạ Ông Trên, nôi chuối rim của nàng vẫn nguyên vẹn, không bị rơi vỡ như liềm sữa của cô Perrette. Nàng vui lắm! Hân hoan chờ đợi người khách “mở hàng” đầu tiên.

... Bỗng dung, mười gương mặt thân yêu của lũ trẻ hiện ra trước mắt nàng.

Nàng dụi mắt! Nàng có đang nằm mơ không nhỉ? Ô, không! Sự thật giữa ban trưa đây mà!

Lũ trẻ mười đứa đang vây quanh chỗ nàng ngồi thành một vòng tròn. Chúng háo hức phân trần muốn xem mẹ/ xem cô buôn bán như thế nào? Đôi mắt chúng sáng rực dán chặt vào những trái chuối, củ họng và tuyến nước bọt của đứa nào đứa nấy đều hoạt động hết công suất.

Tội nghiệp quá! Chúng thèm! Nàng tự hỏi bao nhiêu lâu rồi chúng đã không được nếm vị ngọt của đường?

Thế là tuy liềm sữa không vỡ, nhưng trái tim của nàng đã oà vỡ tuôn theo những giọt nước mắt. Giấc mơ của nàng cũng tan tành cùng với lòng yêu thương ngọt ngào và vô bờ bến dành cho lũ trẻ.

Thương thay, giấc mơ của Nàng Tô!

*Viết theo hồi ức kể lại của thân mẫu.*



## *Khi Ấy Anh Ở Đâu?*

*lê thị hạ anh*

Khi ấy anh ở đâu?  
Em mang vạt trái sầu  
Mắt mi đầy ngấn lệ  
Buồn, buồn hơn mưa Ngâu!

*Khi ấy anh ở đâu?  
Quạnh hiu giấc mộng đầu  
Bầu trời chùng thiếu nắng  
Như mùa Thu cánh nâu!*

Khi ấy anh ở đâu?  
Sóng xô dạt con tàu  
Tìm đâu bong bóng vỡ  
Trôi theo dòng sông sâu!

*Khi ấy anh ở đâu?  
Ai sớm trưa dài dẫu  
Bóng sương chiều Xuân lạnh  
Thức trọn cả đêm thâu!*

Khi ấy anh ở đâu?  
Rụng rơi ngàn lá rêu  
Người đi biển biệt mãi  
Nỗi niềm vạt kim khâu!

*Khi ấy anh ở đâu?  
Trong đêm tiếng nguyệt cầu  
Nhẹ bay như làn gió  
Cho cuộc tình dài lâu.*

Khi ấy anh ở đâu?  
Chờ mong phép nhiệm màu  
Bên đời thôi ngơ ngác  
Để không còn giọt châu!

